MỤC LỤC

Chương 2. Các cỡ cảnh cơ bản 5
2.1 Cảnh quay và cỡ cảnh 5
2.2 Con người là thước đo 6
2.3 Nhóm toàn cảnh: thấy trọn người và không gian 7
2.4 Nhóm trung cảnh: con người quan trọng hơn bối cảnh 9
2.5 Nhóm cận cảnh: cảm xúc và chi tiết 11
2.6 Nhìn lại chín cỡ cảnh 13

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 2.1 Minh chỉnh máy quay trên chân máy, Linh đứng chờ cạnh lan can bờ hồ.....6
Hình 2.2 Sơ đồ "Con người là thước đo": các vạch đỏ trên người Linh đánh dấu đường cắt khung, từ bàn chân lên tới đôi mắt.....7
Hình 2.3 Đại toàn cảnh Hồ Gươm từ trên cao: Linh nằm trong ô đỏ nhỏ, thước đo ghi "dưới 1/10 chiều cao khung".....8
Hình 2.4 Toàn cảnh rộng: Linh trên vỉa hè ven hồ, thước đo ghi "khoảng 1/2 chiều cao khung".....8
Hình 2.5 Toàn cảnh: Linh đứng toàn thân, hai vạch đỏ đánh dấu đỉnh đầu và bàn chân, người cao khoảng 2/3 đến 3/4 khung.....9
Hình 2.6 Trung toàn cảnh: khung cắt ngay trên đầu gối, chú thích "Khớp gối ngay dưới mép khung: không cắt đúng khớp".....10
Hình 2.7 Trung cảnh: Linh nhìn ra hồ, chấm vàng đánh dấu mắt trên đường 1/3, khung cắt ngay dưới thắt lưng.....10
Hình 2.8 Cận trung cảnh: Linh mỉm cười về phía máy, mắt trên đường 1/3, khung cắt ở ngực trên.....11
Hình 2.9 Cận cảnh: ba vạch chú thích "Có thể cắt bớt tóc", "Ngay dưới cằm" và "hoặc lấy thêm chút vai".....12
Hình 2.10 Đại cận cảnh: khung cắt ngang trán và ngang cằm, ba vòng elip khoanh mắt, mũi và miệng.....12
Hình 2.11 Đặc tả đôi mắt: vạch "Lông mày" ở trên, "Sống mũi" ở dưới, thước ngang đo chiều rộng đôi mắt.....13
Hình 2.12 Bảng tổng kết "9 cỡ cảnh: từ XA đến GẦN" với chín khung hình của Linh xếp thành lưới.....14

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1 Chín cỡ cảnh cơ bản, từ xa đến gần.....14
Bảng 2.2 Thuật ngữ của chương 2.....17

CHƯƠNG 2
CÁC CỠ CẢNH CƠ BẢN

Bạn đưa điện thoại lên quay một người bạn đang đứng bên hồ. Trước khi bấm máy, bạn đã phải quyết định một việc mà nhiều khi không để ý: đứng xa hay lại gần, lấy cả người hay chỉ lấy khuôn mặt. Đứng xa, người xem thấy mặt hồ, hàng cây, cả buổi sáng hôm ấy, nhưng không thấy bạn mình đang cười. Lại thật gần, nụ cười hiện rõ từng nét, nhưng không ai biết cảnh ấy diễn ra ở đâu.

Quyết định "lấy bao nhiêu" đó có tên riêng trong nghề: cỡ cảnh. Chương này đi cùng video Bài 1 của bộ "Ngữ pháp quay phim": Minh và Linh ra bờ Hồ Gươm một buổi sáng sớm, Minh dựng máy, Linh đứng trước ống kính, và chúng ta lần lượt đi qua chín cỡ cảnh từ xa đến gần.

Nội dung chính của chương

- Cảnh quay là gì, cỡ cảnh là gì
- Cách dùng cơ thể con người làm thước đo để gọi tên một khung hình
- Ba nhóm toàn cảnh, trung cảnh, cận cảnh và chín cỡ cảnh cơ bản
- Đường cắt khung của từng cỡ cảnh, và mỗi cỡ cảnh dùng để làm gì
- Hai quy tắc đi kèm: không cắt khung vào khớp, đặt mắt trên đường một phần ba phía trên

2.1 Cảnh quay và cỡ cảnh

Một **cảnh quay** (*shot*) là một lần máy quay ghi lại hành động từ một vị trí. Bạn bấm ghi, máy chạy, bạn bấm dừng: đó là một cảnh quay. Một video được ghép từ nhiều cảnh quay, giống một câu văn được ghép từ nhiều từ. Hình 2.1 là cảnh mở đầu của video: Minh đứng sau chân máy bên bờ hồ, chỉnh ống kính, còn Linh mặc áo dài trắng đứng chờ cạnh lan can.



Hình 2.1 Minh chỉnh máy quay trên chân máy, Linh đứng chờ cạnh lan can bờ hồ

Mỗi cảnh quay có một **cỡ cảnh**: khung hình lấy bao nhiêu phần của nhân vật, và bao nhiêu phần của bối cảnh. Hai phần này luôn giành chỗ của nhau, vì khung hình chỉ có chừng ấy diện tích: nhân vật càng lớn thì bối cảnh càng ít.

Người xem chỉ thấy những gì nằm trong khung, và họ ngầm hiểu rằng cái gì chiếm nhiều chỗ thì cái đó quan trọng. Cho bối cảnh chiếm gần hết khung là nói "hãy nhìn nơi này". Cho khuôn mặt chiếm gần hết khung là nói "hãy nhìn người này". Vì vậy, chọn cỡ cảnh chính là chọn điều người xem cần thấy.

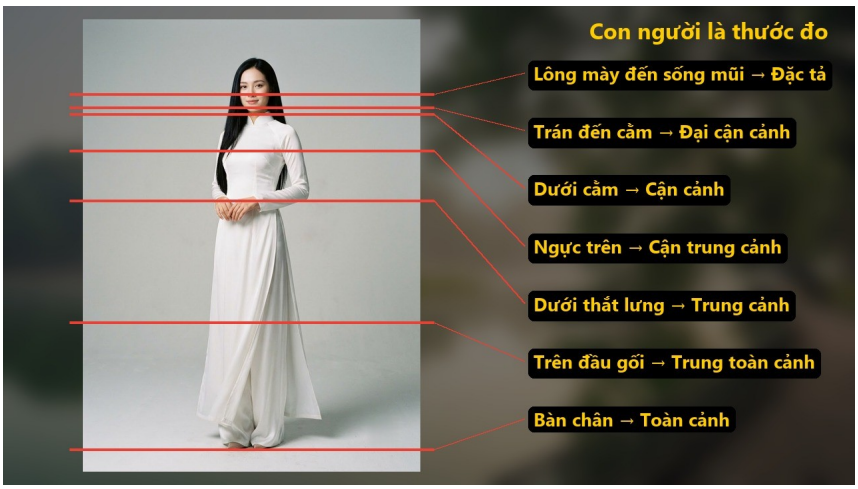
Một điểm dễ nhầm: cỡ cảnh được gọi tên theo cái nằm trong khung, không theo khoảng cách thật từ máy đến người. Đứng xa rồi phóng ống kính vào, hay đứng sát với ống kính góc rộng, nếu khung đều lấy từ thắt lưng trở lên thì vẫn là cùng một cỡ cảnh.

2.2 Con người là thước đo

2.2.1 Nhìn mép dưới khung hình

Làm sao biết một khung hình thuộc cỡ cảnh nào? Người làm phim lấy chính cơ thể con người làm thước đo, vì phần lớn cảnh quay đều có người và ai cũng thuộc hình dáng cơ thể.

Cách đọc rất đơn giản: nhìn xem mép dưới khung hình cắt ngang chỗ nào trên cơ thể. Bàn chân, đầu gối, thắt lưng, ngực, cằm, hay chỉ còn đôi mắt: mỗi vị trí ứng với một cỡ cảnh. Hình 2.2 là sơ đồ của video, với các vạch đỏ kẻ ngang người Linh và nhãn cỡ cảnh tương ứng.



Hình 2.2 Sơ đồ "Con người là thước đo": các vạch đỏ trên người Linh đánh dấu đường cắt khung, từ bàn chân lên tới đôi mắt

Còn khi thấy trọn người, mép khung không cắt vào cơ thể nữa, ta đổi cách đo: nhìn xem người cao bao nhiêu phần khung hình. Người chỉ là một chấm nhỏ, người cao nửa khung, hay người cao gần hết khung là ba cỡ cảnh khác nhau.

2.2.2 Ba nhóm, chín cỡ cảnh

Có ba nhóm cỡ cảnh cơ bản: **toàn cảnh**, **trung cảnh** và **cận cảnh**, tức là lấy rộng, lấy vừa, lấy gần. Từ ba nhóm này, người làm phim chia nhỏ thành chín cỡ cảnh, đi dần từ xa đến gần, để mọi người trong đoàn nói chuyện chính xác với nhau.

Đây là quy ước của nghề, không phải định luật. Ranh giới giữa hai cỡ liền nhau không sắc như vạch kẻ, và mỗi tài liệu có thể gọi tên hoặc chia nhóm hơi khác. Sách này xếp mỗi nhóm ba cỡ cho dễ nhớ.

2.2.3 Đọc tên tiếng Anh

Trên kịch bản phân cảnh và trong hầu hết tài liệu, cỡ cảnh thường ghi bằng tên tiếng Anh viết tắt. Các tên ấy chỉ ghép từ vài từ đơn giản: *long* là xa, *medium* là trung, *close* là gần, *extreme* là cực, *very* là rất, *big* là lớn. Nhớ mấy từ này, bạn sẽ đọc được tên mọi cỡ cảnh. Riêng *extreme* đứng ở cả hai đầu thang: ghép với *long* thành cảnh xa nhất, ghép với *close-up* thành cảnh gần nhất.

2.3 Nhóm toàn cảnh: thấy trọn người và không gian

2.3.1 Đại toàn cảnh

Đại toàn cảnh (*Extreme Long Shot*, XLS hoặc ELS) là cỡ cảnh xa nhất. Trong video, máy quay đặt rất xa và rất cao: cả mặt hồ, Tháp Rùa, hàng cây và phố phường đều nằm trong khung.

Dừng hình lại như ở Hình 2.3, ta thấy nhân vật rất nhỏ, chưa tới một phần mười chiều cao khung hình, không nhìn rõ mặt hay trang phục. Bối cảnh chiếm gần trọn khuôn hình. Linh chỉ là một chấm trắng trên con đường lát gạch ven hồ.



Hình 2.3 Đại toàn cảnh Hồ Gươm từ trên cao: Linh nằm trong ô đỏ nhỏ, thước đo ghi "dưới 1/10 chiều cao khung"

Đại toàn cảnh trả lời hai câu hỏi: ở đâu, và khi nào. Thành phố hay nông thôn, sáng hay tối, mùa nào, người xem đọc được chỉ trong vài giây. Vì vậy nó thường mở đầu bộ phim hoặc một trường đoạn mới, gọi là **cảnh giới thiệu** (*establishing shot*). Đặt người thật nhỏ giữa không gian thật lớn còn gợi cảm giác nhỏ bé, cô đơn.

Bạn không cần thiết bị bay để có cỡ cảnh này. Một ban công tầng cao, một cây cầu, hay lùi thật xa với ống kính góc rộng của điện thoại đều được.

2.3.2 Toàn cảnh rộng

Toàn cảnh rộng (*Very Long Shot*, VLS): máy tiến gần hơn, nhân vật bắt đầu hiện ra trong bối cảnh. Trong Hình 2.4, người cao khoảng một nửa khung hình. Đã thấy được dáng người, chiếc áo dài trắng, nhưng bối cảnh vẫn chiếm phần lớn khuôn hình.



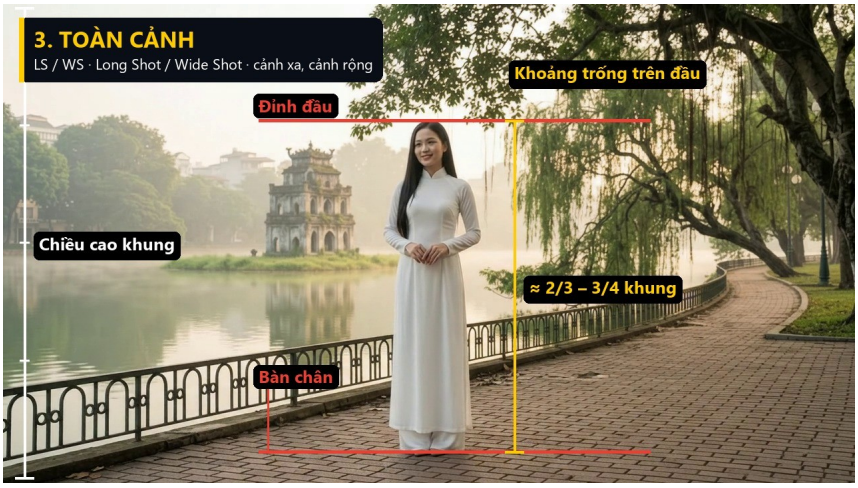
Hình 2.4 Toàn cảnh rộng: Linh trên vỉa hè ven hồ, thước đo ghi "khoảng 1/2 chiều cao khung"

Toàn cảnh rộng đặt nhân vật vào không gian: ta vẫn biết ở đâu, khi nào, và bắt đầu biết thêm một chút về ai. Cỡ cảnh này hợp để theo dõi nhân vật di chuyển, vì người đi bộ hay đạp xe có đủ chỗ trong khung. Nó cũng làm cầu nối

từ cảnh giới thiệu sang nhân vật: sau khi thấy cả hồ, mắt người xem được dẫn tới một con người cụ thể.

2.3.3 Toàn cảnh

Toàn cảnh (*Long Shot*, LS, còn gọi là *Wide Shot*, WS) là cảnh toàn thân: thấy trọn người nhân vật. Khung lấy từ đỉnh đầu đến bàn chân, và cả hai đều phải nằm trong khung. Người cao khoảng hai phần ba đến ba phần tư khung hình, chừa khoảng trống phía trên đầu và một chút dưới chân, như các vạch trong Hình 2.5. Đầu chạm mép trên hay chân chạm mép dưới đều khiến nhân vật như bị nhốt chật trong khung.



Hình 2.5 Toàn cảnh: Linh đứng toàn thân, hai vạch đỏ đánh dấu đỉnh đầu và bàn chân, người cao khoảng 2/3 đến 3/4 khung

Toàn cảnh cho thấy rõ ai: giới tính, trang phục, dáng điệu, hành động của cả cơ thể. Bối cảnh vẫn còn đủ để hiểu nhân vật đang đứng ở đâu, và liên hệ thế nào với không gian quanh mình.

> **Lỗi hay gặp**
> Quay toàn thân nhưng để mép khung cắt mất bàn chân. Trước khi bấm ghi, hãy liếc xuống mép dưới: đã thấy đủ hai bàn chân và một dải nền dưới chân chưa. Nếu không đủ chỗ, hãy lùi lại, hoặc chủ động chuyển hẳn sang trung toàn cảnh.

2.4 Nhóm trung cảnh: con người quan trọng hơn bối cảnh

2.4.1 Trung toàn cảnh

Trung toàn cảnh (*Medium Long Shot*, MLS) là cỡ cảnh đầu tiên bắt đầu cắt bớt cơ thể nhân vật. Đường cắt nằm ngay trên đầu gối.

Tránh cắt đúng vào khớp gối, vì cắt ở khớp khiến người xem có cảm giác nhân vật bị cụt chân. Khi khung cắt ngang giữa đùi, mắt ta tự hiểu cái chân còn kéo dài ra ngoài khung. Khi khung cắt đúng chỗ khớp, hình ảnh giống như kết thúc ở đó. Hình 2.6 ghi rõ lời nhắc này.



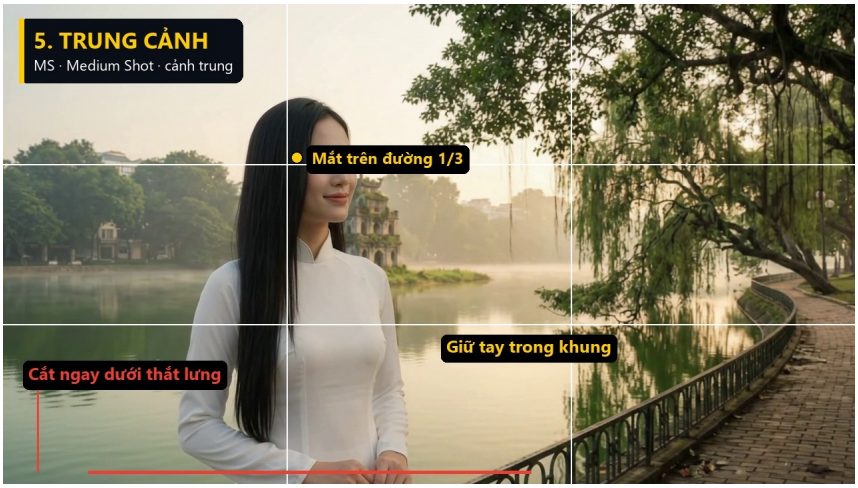
Hình 2.6 Trung toàn cảnh: khung cắt ngay trên đầu gối, chú thích "Khớp gối ngay dưới mép khung: không cắt đúng khớp"

Trung toàn cảnh vừa giữ được cử động của cơ thể, vừa thấy rõ nét mặt. Lúc này người xem chú ý đến con người nhiều hơn bối cảnh. Cỡ cảnh này hợp với cảnh nhân vật đi lại, đứng nói chuyện, hoặc hai ba người đứng cạnh nhau.

2.4.2 Trung cảnh

Trung cảnh (*Medium Shot*, MS) là khoảng cách quen thuộc nhất với mắt người: như khi ta nhìn một người đang trò chuyện trước mặt. Vì quen như vậy nên trung cảnh cho góc nhìn tự nhiên, dễ chịu.

Đường cắt nằm ngay dưới thắt lưng. Mắt nhân vật đặt trên đường một phần ba phía trên khung hình: chia chiều cao khung làm ba phần bằng nhau thì mắt nằm quanh vạch thứ nhất từ trên xuống. Hình 2.7 cho thấy hai mốc này, cùng lời nhắc "Giữ tay trong khung". Vì khung đã hẹp, cần cẩn thận để tay hay động tác không lọt ra ngoài mép khung; bàn tay cứ thò ra thụt vào ở mép hình sẽ làm người xem phân tâm.

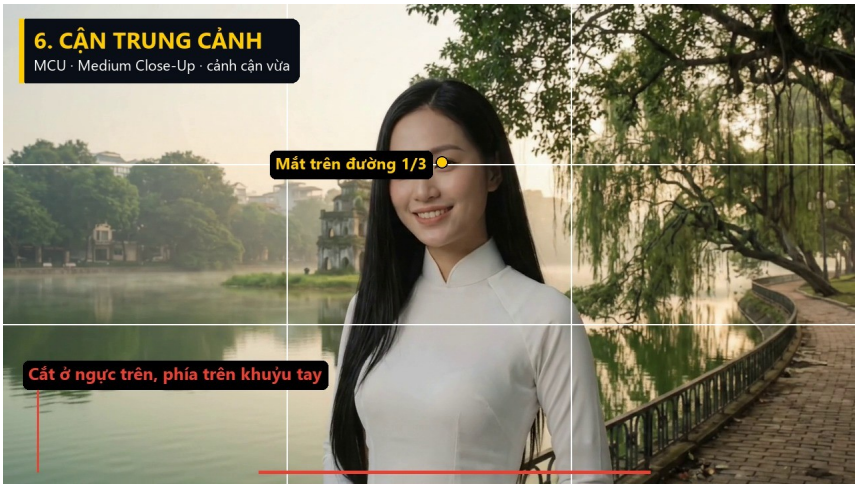


Hình 2.7 Trung cảnh: Linh nhìn ra hồ, chấm vàng đánh dấu mắt trên đường 1/3, khung cắt ngay dưới thắt lưng

Ở trung cảnh, ta thấy rõ nét mặt, hướng nhìn và cử chỉ tay, còn bối cảnh chỉ là gợi ý. Đây là cỡ cảnh dùng nhiều cho giao tiếp, đối thoại và hướng dẫn thao tác, chẳng hạn video dạy nấu ăn hay giới thiệu món đồ cầm trên tay.

2.4.3 Cận trung cảnh

Ở **cận trung cảnh** (*Medium Close-Up*, MCU), khuôn mặt và ánh nhìn trở thành trung tâm của khung hình. Đường cắt nằm ở ngực trên, và luôn phía trên khuỷu tay, lại để tránh cắt vào khớp. Mắt vẫn đặt trên đường một phần ba phía trên, như Hình 2.8.



Hình 2.8 Cận trung cảnh: Linh mỉm cười về phía máy, mắt trên đường 1/3, khung cắt ở ngực trên

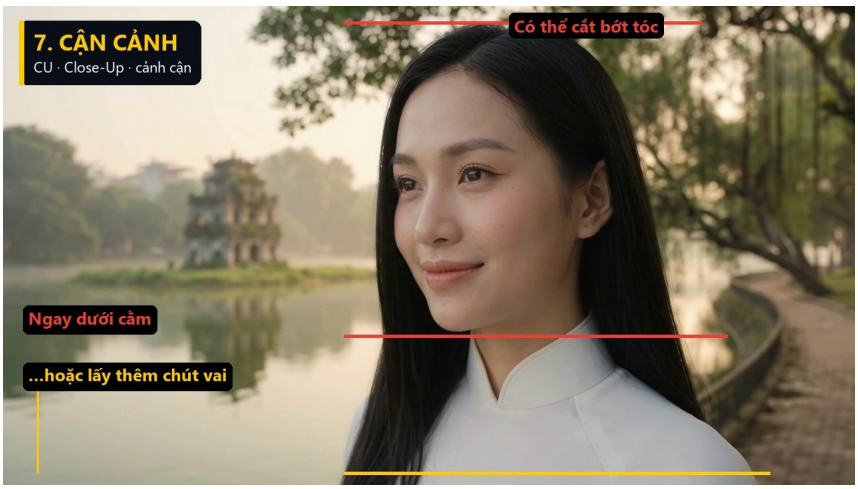
Đây là cỡ cảnh được dùng nhiều nhất khi nhân vật nói hoặc lắng nghe: phỏng vấn, dẫn chương trình, đối thoại. Người xem tập trung vào lời nói và nét mặt; bối cảnh xung quanh gần như không còn quan trọng. Nếu bạn làm video ngồi nói trước máy, rất có thể bạn đang dùng cận trung cảnh mà chưa gọi tên nó.

> **Ghi nhớ**
> Khi quay người, đặt mắt nhân vật trên đường một phần ba phía trên khung hình. Đặt mắt ở chính giữa khung sẽ để thừa một khoảng trống lớn trên đầu.

2.5 Nhóm cận cảnh: cảm xúc và chi tiết

2.5.1 Cận cảnh

Ở **cận cảnh** (*Close-Up*, CU), khuôn mặt lấp đầy khung hình. Phía trên có thể cắt bớt một phần tóc. Phía dưới cắt ngay dưới cằm, hoặc lấy thêm một chút vai. Hình 2.9 vẽ cả ba mốc ấy.

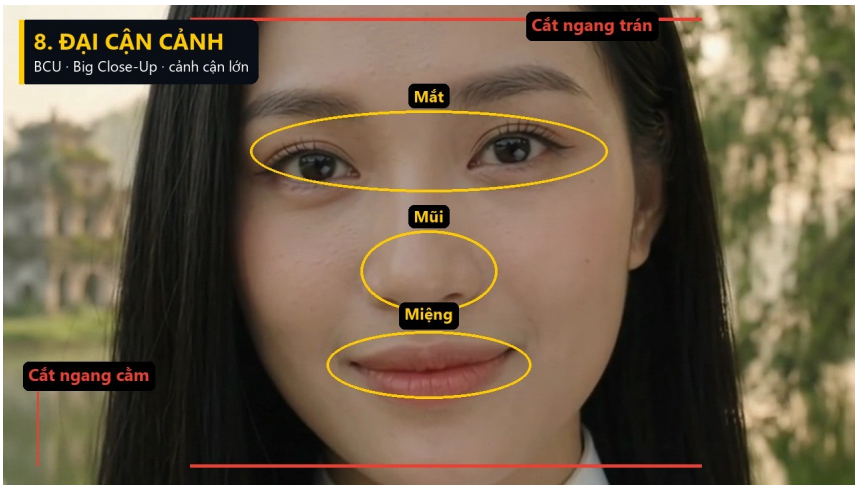


Hình 2.9 Cận cảnh: ba vạch chú thích "Có thể cắt bớt tóc", "Ngay dưới cằm" và "hoặc lấy thêm chút vai"

Cận cảnh là cỡ cảnh của cảm xúc. Mọi thay đổi nhỏ ở đôi mắt, khóe miệng đều hiện rõ. Ngoài đời, ta chỉ đứng gần ai đến mức này khi đã thân; vì thế cận cảnh kéo người xem lại gần nhân vật. Nó dùng để nhấn mạnh phản ứng và những khoảnh khắc quan trọng. Cái giá phải trả là bối cảnh: lúc này ta biết rất rõ ai, nhưng không còn biết nhiều về ở đâu.

2.5.2 Đại cận cảnh

Ở **đại cận cảnh** (*Big Close-Up*, BCU), gương mặt chiếm gần trọn khung hình. Khung cắt ngang trán và ngang cằm, nhưng vẫn giữ đủ mắt, mũi và miệng, ba vùng làm nên biểu cảm mà Hình 2.10 khoanh lại.



Hình 2.10 Đại cận cảnh: khung cắt ngang trán và ngang cằm, ba vòng elip khoanh mắt, mũi và miệng

Đại cận cảnh đưa người xem đối mặt trực tiếp với nhân vật. Nó diễn tả những cảm xúc mạnh: lo âu, sợ hãi, xúc động, căng thẳng. Vì mọi cử động đều bị phóng đại, diễn viên phải diễn thật tinh tế, và gần như không được cử động đầu: một cái gật nhẹ cũng có thể làm mắt hoặc miệng trượt khỏi khung. Người quay nên dùng chân máy và lấy nét vào đôi mắt.

2.5.3 Đặc tả

Ở **đặc tả** (*Extreme Close-Up*, XCU hoặc ECU), khung hình chỉ còn một chi tiết. Trong video đó là đôi mắt: khung chỉ lấy từ lông mày đến sống mũi, đôi mắt trải gần hết chiều ngang khung hình, như Hình 2.11.



Hình 2.11 Đặc tả đôi mắt: vạch "Lông mày" ở trên, "Sống mũi" ở dưới, thước ngang đo chiều rộng đôi mắt

Đặc tả dùng để nhấn mạnh một chi tiết quan trọng: đôi mắt, bàn tay, một đồ vật. Khi một chi tiết được cho cả màn hình, người xem hiểu ngay rằng nó có ý nghĩa; nhờ vậy đặc tả tạo kịch tính hoặc gợi ẩn ý. Nhưng vì không còn bối cảnh, người xem chưa biết chi tiết này của ai. Hãy đặt đặc tả sau một cỡ cảnh rộng hơn để người xem hiểu ngữ cảnh: cho thấy người thợ ngồi bên bàn trước, rồi mới cắt vào đôi tay.

> **Thử ngay (5 phút)**
> Mở một video bạn thích, tắt tiếng, xem hai phút bất kỳ. Mỗi lần hình đổi sang cảnh mới, nhìn mép dưới khung và gọi nhanh tên cỡ cảnh. Cỡ nào xuất hiện nhiều nhất?

2.6 Nhìn lại chín cỡ cảnh

Hình 2.12 xếp chín cỡ cảnh vào một lưới, đi từ xa đến gần. Càng xa, người xem càng thấy rõ ở đâu và khi nào. Càng gần, người xem càng thấy rõ ai, và người đó đang cảm thấy gì. Bảng 2.1 gom lại để bạn tra nhanh.



Hình 2.12 Bảng tổng kết "9 cỡ cảnh: từ XA đến GẦN" với chín khung hình của Linh xếp thành lưới

Bảng 2.1 Chín cỡ cảnh cơ bản, từ xa đến gần

Cỡ cảnh	Viết tắt	Dấu hiệu nhận biết	Dùng để
Đại toàn cảnh	XLS / ELS	Người cao chưa tới 1/10 khung	Ở đâu, khi nào; cảnh giới thiệu
Toàn cảnh rộng	VLS	Người cao khoảng 1/2 khung	Theo dõi di chuyển; cầu nối sang nhân vật
Toàn cảnh	LS / WS	Trọn người, cao 2/3 đến 3/4 khung	Ai và ở đâu; hành động toàn thân
Trung toàn cảnh	MLS	Cắt ngay trên đầu gối	Đi lại, đứng nói chuyện, nhóm nhỏ
Trung cảnh	MS	Cắt ngay dưới thắt lưng	Đối thoại, hướng dẫn thao tác
Cận trung cảnh	MCU	Cắt ở ngực trên, trên khuỷu tay	Phỏng vấn, dẫn chương trình
Cận cảnh	CU	Cắt dưới cằm hoặc lấy chút vai	Cảm xúc, phản ứng
Đại cận cảnh	BCU	Cắt ngang trán và ngang cằm	Cảm xúc mạnh, căng thẳng
Đặc tả	XCU / ECU	Chỉ còn một chi tiết	Nhấn mạnh chi tiết, gợi ẩn ý

Video khép lại bằng ba điều ghi nhớ.

1. Mỗi cỡ cảnh trả lời một câu hỏi khác nhau cho người xem. Không có cỡ nào đẹp hơn cỡ nào, chỉ có hợp hay không hợp với điều cần nói.
2. Đừng cắt khung đúng vào khớp: cổ, khuỷu tay, đầu gối hay mắt cá chân. Hãy cắt ở khoảng giữa hai khớp.
3. Khi quay người, đặt mắt nhân vật trên đường một phần ba phía trên khung hình. Hãy bật lưới chia ba trên màn hình máy để canh cho dễ.

Người mới quay hay đứng nguyên một chỗ và quay mọi thứ ở cùng một cỡ cảnh, nên video xem rất đều đều. Hãy tập quay cùng một sự việc ở ít nhất ba cỡ: rộng để biết nơi chốn, vừa để thấy hành động, gần để thấy cảm xúc hoặc chi

tiết. Với điện thoại, nên bước lại gần hoặc lùi ra xa để đổi cỡ cảnh; phóng to bằng hai ngón tay thường chỉ là cắt bớt ảnh, hình sẽ kém nét.

Các con số trong chương, như một phần mười hay ba phần tư, là mốc ước lượng theo quy ước, không cần đo bằng thước. Điều cần giữ chắc là thứ tự chín cỡ cảnh và vị trí các đường cắt. Chương sau sẽ bàn cách sắp đặt bố cục bên trong khung hình.

> **Ghi nhớ**
> Chọn cỡ cảnh là chọn điều người xem cần thấy.

Tóm tắt chương

1. Cảnh quay là một lần máy quay ghi lại hành động từ một vị trí; cỡ cảnh là mức khung hình lấy nhân vật so với bối cảnh.
2. Cơ thể con người là thước đo: nhìn mép dưới khung cắt ở đâu; khi thấy trọn người thì nhìn người cao bao nhiêu phần khung.
3. Ba nhóm toàn, trung, cận chia thành chín cỡ: đại toàn cảnh, toàn cảnh rộng, toàn cảnh, trung toàn cảnh, trung cảnh, cận trung cảnh, cận cảnh, đại cận cảnh, đặc tả.
4. Càng xa càng rõ ở đâu, khi nào; càng gần càng rõ ai và cảm xúc của họ.
5. Không cắt khung đúng vào khớp; đặt mắt nhân vật trên đường một phần ba phía trên.
6. Đặc tả cần đứng sau một cảnh rộng hơn để người xem hiểu ngữ cảnh.

Bài tập thực hành

Bài 2.1 Chín cỡ cảnh của một người

Mục đích: thuộc thứ tự chín cỡ cảnh và vị trí đường cắt. Dụng cụ: điện thoại hoặc máy ảnh, một người mẫu, một chỗ ngoài trời đủ rộng để lùi xa.

1. Bật lưới chia ba trên màn hình máy.
2. Cho người mẫu đứng yên, quay lần lượt chín cảnh từ đại toàn cảnh đến đặc tả, mỗi cảnh khoảng 5 giây.
3. Trước mỗi lần bấm ghi, kiểm tra đường cắt có né khớp và mắt có nằm trên đường một phần ba chưa.
4. Ghép chín cảnh theo thứ tự, ghi tên cỡ cảnh lên từng cảnh.

Kết quả cần có: một video khoảng 45 giây. So từng khung với Hình 2.12 và ghi lại cảnh nào lệch chuẩn.

Bài 2.2 Kể một việc bằng ba cỡ cảnh

Mục đích: tập chọn cỡ cảnh theo điều người xem cần thấy. Chọn một việc đơn giản như pha một ly cà phê hay tưới một chậu cây. Quay việc đó ở ba cỡ: một cảnh rộng cho nơi chốn, một trung cảnh cho thao tác, một cận cảnh hoặc đặc

tả cho chi tiết đáng chú ý nhất. Dựng thành video 20 đến 30 giây, mở đầu bằng cảnh rộng.

Kết quả cần có: video đã dựng và vài dòng giải thích vì sao bạn xếp các cỡ cảnh theo thứ tự đó.

Câu hỏi tự kiểm tra

1. Cảnh quay là gì? Cỡ cảnh được xác định bởi điều gì?
2. Với khung hình thấy trọn người, ta phân biệt ba cỡ toàn cảnh bằng cách nào?
3. Kể tên chín cỡ cảnh theo thứ tự từ xa đến gần, kèm chữ viết tắt.
4. Đại toàn cảnh trả lời những câu hỏi nào? Cảnh giới thiệu là gì?
5. Vì sao trung toàn cảnh cắt ngay trên đầu gối mà không cắt đúng khớp gối?
6. Khi quay trung cảnh, cần chú ý gì với bàn tay của nhân vật?
7. Cận cảnh và đại cận cảnh khác nhau ở đường cắt nào?
8. Vì sao nên đặt đặc tả sau một cỡ cảnh rộng hơn?

Thuật ngữ trong chương

Bảng 2.2 Thuật ngữ của chương 2

Tiếng Việt	Tiếng Anh	Nghĩa ngắn gọn
Cảnh quay	Shot	Một lần máy quay ghi lại hành động từ một vị trí
Cỡ cảnh	Shot size	Mức độ khung hình lấy nhân vật so với bối cảnh
Khung hình	Frame	Phần hình ảnh nằm trong bốn mép của màn hình
Đại toàn cảnh	Extreme Long Shot (XLS / ELS)	Cảnh cực xa, người rất nhỏ, bối cảnh chiếm gần trọn khung
Toàn cảnh rộng	Very Long Shot (VLS)	Cảnh rất xa, người cao khoảng nửa khung
Toàn cảnh	Long Shot / Wide Shot (LS / WS)	Cảnh toàn thân, từ đỉnh đầu đến bàn chân
Trung toàn cảnh	Medium Long Shot (MLS)	Cảnh cắt ngay trên đầu gối
Trung cảnh	Medium Shot (MS)	Cảnh cắt ngay dưới thắt lưng
Cận trung cảnh	Medium Close-Up (MCU)	Cảnh cắt ở ngực trên, phía trên khuỷu tay
Cận cảnh	Close-Up (CU)	Khuôn mặt lấp đầy khung, cắt dưới cằm hoặc lấy chút vai
Đại cận cảnh	Big Close-Up (BCU)	Cắt ngang trán và ngang cằm, đủ mắt, mũi, miệng
Đặc tả	Extreme Close-Up (XCU / ECU)	Khung chỉ lấy một chi tiết như đôi mắt, bàn tay, đồ vật
Cảnh giới thiệu	Establishing shot	Cảnh rộng mở đầu phim hoặc trường đoạn, cho biết ở đâu và khi nào
Khoảng trống trên đầu	Headroom	Khoảng cách từ đỉnh đầu nhân vật đến mép trên khung
Đường một phần ba	Rule-of-thirds line	Vạch chia khung thành ba phần bằng nhau, dùng để đặt mắt nhân vật
Bối cảnh	Setting	Không gian, nơi chốn quanh nhân vật
Trường đoạn	Sequence	Chuỗi cảnh quay liền nhau cùng kể một sự việc